

Số: 22/2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù, cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng vay vốn là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.



Điều 3. Đối tượng và điều kiện vay vốn

Đối tượng vay vốn và điều kiện vay vốn bao gồm:

1. Đối tượng vay vốn

a) Người chấp hành xong án phạt tù bao gồm người chấp hành xong thời hạn chấp hành án phạt tù đã được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù quy định tại Luật Thi hành án hình sự và người được đặc xá đã được cấp giấy chứng nhận đặc xá quy định tại Luật Đặc xá;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

2. Điều kiện vay vốn

a) Người chấp hành xong án phạt tù: Có nhu cầu vay vốn; có tên trong danh sách người chấp hành xong án phạt tù về cư trú tại địa phương, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không tham gia các tệ nạn xã hội, do Công an cấp xã lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này. Thời gian kể từ khi chấp hành xong án phạt tù đến thời điểm vay vốn tối đa là 05 năm;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; sử dụng tối thiểu 10% tổng số lao động là người chấp hành xong án phạt tù đáp ứng các điều kiện nêu tại điểm a khoản này và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; có phương án vay vốn và được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện phương án xác nhận theo Mẫu số 02 kèm theo Quyết định này.

3. Người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thuộc trường hợp không còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các chương trình tín dụng khác có cùng mục đích sử dụng vốn vay để đào tạo nghề và sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương thức cho vay

1. Đối với người chấp hành xong án phạt tù

a) Thực hiện phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người chấp hành xong án phạt tù là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp trong hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức

lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì người chấp hành xong án phạt tù trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp.

Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của người chấp hành xong án phạt tù trong thời gian theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chi phí này bao gồm: Tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập; chi phí ăn, ở, đi lại.

2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Chi phí để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm gồm chi phí cho việc thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm.

Điều 6. Mức vốn cho vay

1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

Mức vốn cho vay tối đa là 04 triệu đồng/tháng/người chấp hành xong án phạt tù.

2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

a) Người chấp hành xong án phạt tù: Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/người chấp hành xong án phạt tù;

b) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Mức vốn cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/dự án và không quá 100 triệu đồng/người lao động tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 8. Thời hạn cho vay

1. Đối với vay vốn để đào tạo nghề

a) Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người chấp hành xong án phạt tù bắt đầu nhận vốn vay cho đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ;

b) Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người chấp hành xong án phạt tù nhận món vay đầu tiên cho đến ngày kết thúc khoá học, kể cả thời gian người chấp hành xong án phạt tù được các cơ sở đào tạo nghề cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có);

c) Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định, như sau:

Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo không quá một năm, thời hạn trả nợ tối đa bằng 02 lần thời hạn phát tiền vay.

Đối với các chương trình đào tạo khác, thời hạn trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

2. Đối với vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm

Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trên cơ sở căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định theo từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

1. Người chấp hành xong án phạt tù vay vốn đào tạo nghề và vay vốn để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ vay vốn.

Điều 11. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.



2. Ngân hàng Chính sách xã hội huy động, được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý theo quy định.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Bộ Công an

a) Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân tổ chức việc tuyên truyền, phổ biến chính sách tại Quyết định này;

b) Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan tại địa phương tham mưu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình giám sát vốn vay và thu hồi nợ;

c) Chỉ đạo Công an cấp xã định kỳ vào ngày 05 hằng tháng lập và cung cấp danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn (theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này) chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội làm căn cứ cho vay;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc tổ chức, thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu thấy cần thiết).

3. Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các cơ sở giam giữ phạm nhân thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức việc tuyên truyền chính sách tại Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung tại Điều 13 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, điều kiện theo quy định của Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện

a) Hằng năm, xem xét bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương hàng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Quyết định này;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách; tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). M.Cường ¹⁴⁰

THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg
Ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Danh sách người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội
Mẫu số 02	Phương án vay vốn (của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù)

ỦY BAN NHÂN DÂN⁽¹⁾
CÔNG AN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm

DANH SÁCH

Người chấp hành xong án phạt tù có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội

STT	Họ và tên	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân ⁽²⁾	Ngày, tháng, năm chấp hành xong án phạt tù	Địa chỉ cư trú ⁽³⁾
1	Nguyễn Văn A					
2	Trần Văn B					
3	Nguyễn Thị C					
4						
...						
Tổng cộng:						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG CÔNG AN⁽¹⁾
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ⁽¹⁾
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên UBND xã, phường, thị trấn nơi người chấp hành xong án phạt tù cư trú.

² Ghi rõ số, ngày cấp, nơi cấp.

³ Ghi rõ địa chỉ cụ thể: Số nhà; đường phố, xóm; thôn/tổ dân phố; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi người chấp hành xong án phạt tù cư trú.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
(Của cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động
là người chấp hành xong án phạt tù)

Kính gửi:

- Chi nhánh/PGD Ngân hàng Chính sách xã hội⁽¹⁾
- Ủy ban nhân dân:.....⁽²⁾

.....⁽³⁾ trình bày/báo cáo về phương án vay vốn có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù, sau đây:

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:
.....
.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
.....
3. Điện thoại: Fax:
Email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Ngày cấp:Cơ quan cấp:
Hoặc hợp đồng hợp tác số:
5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định
Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền
6. Mã số thuế:

¹ Tên chi nhánh/phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện nơi cho vay.

² Tên UBND xã, phường, thị trấn nơi cơ sở sản xuất kinh doanh có phương án.

³ Tên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh có sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù.

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.

II. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn:

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo:
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo:
- Đầu tư trang thiết bị:
 - + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Thời gian thực hiện: Từ tháng.....năm.....đến tháng năm

2. Phương án sử dụng lao động:

Tổng số lao động:.....người, trong đó:

- Số người lao động là người chấp hành xong án phạt tù:.....người.

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:

Tổng số:..... đồng (Bằng chữ: đồng). Trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng.
- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội: đồng.

III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

1. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn.

Số tiền:đồng.

(Bằng chữ:).

2. Mục đích sử dụng vốn vay như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1			
2			
3			
...			
...			

3. Thời hạn vay vốn: tháng.
4. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:
- Từ khấu hao: đồng.
 - Lợi nhuận và các nguồn khác: đồng.
5. Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm: đồng, trong đó:
- Trả nợ gốc: đồng.
 - Trả lãi: đồng.
6. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản
1				
2				
3				
...				
...				

IV. CAM KẾT SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

.....⁽³⁾ cam kết sử dụng thường xuyên tối thiểu 10% số lao động là người chấp hành xong án phạt tù. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng lao động là người chấp hành xong án phạt tù hoặc sử dụng không đủ số lượng lao động là người chấp hành xong án phạt tù thì cơ sở sản xuất kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả hoặc không được tiếp cận nguồn vốn vay này.

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

.....⁽²⁾

Cơ sở sản xuất kinh doanh.....

.....
có phương án được thực hiện tại địa phương.

...., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

